

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS - ST
Ngày 10 - 4 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đôn Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thái
2. Bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu P, thị trấn C, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên vào ngày 14/12/2021, bà L có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất vay 1,25%/tháng. Khi vay ông T có nói với bà L mục đích vay để làm ăn và không thể chấp gì để đảm bảo cho khoản vay. Hết thời hạn cho vay, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ, tuy nhiên ông T không trả và đều lấy lý do khát nợ. Tính đến thời điểm hiện tại ông T chưa trả cho bà L khoản tiền nào. Do vậy, bà L đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho bà L tổng số

tiền 162.250.000 đồng trong đó nợ gốc là 110.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 14/12/2021 tính đến hết ngày 14/02/2025 là 52.250.000 đồng. Đối với tiền lãi kể từ ngày 15/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm bà không yêu cầu ông T phải trả; sau khi xét xử sơ thẩm, bà đề nghị Tòa án giải quyết lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 14/12/2021, ông có vay của bà L số tiền 110.000.000 đồng thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng, lãi suất vay 1,25%/tháng sử dụng vào mục đích cá nhân. Do gặp khó khăn về kinh tế nên ông chưa trả được nợ cho bà L. Nay bà L yêu cầu ông trả nợ số tiền 110.000.000 đồng tiền nợ gốc và 52.250.000 đồng tiền nợ lãi tính từ ngày 14/12/2021 đến ngày 14/02/2025 quan điểm của ông T đồng ý trả nợ. Tuy nhiên ông đề nghị bà L cho ông được trả dần hàng tháng và miễn số tiền lãi từ ngày 15/02/2025 cho đến khi ông thanh toán hết nợ cho bà L.

Bà L và ông T không thỏa thuận được với nhau về thời gian trả nợ và tiền lãi phải trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 117, 429, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Văn T, buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị L số tiền 162.250.000 đồng (trong đó nợ gốc là 110.000.000 đồng, nợ lãi là 52.250.000 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi 1,25%/tháng trên số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị L cho ông Nguyễn Văn T vay tiền có viết giấy biên nhận thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán; do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện đòi nợ. Theo thỏa thuận của hợp đồng vay tiền thì đến hết ngày 14/01/2022 ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L; ngày 19/12/2024 Tòa án nhận được đơn khởi kiện của L; như vậy yêu cầu của bà L còn thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó quan hệ tranh

chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện Bình Xuyên, nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét hợp đồng vay tài sản: Hợp đồng vay tài sản giữa bà L, ông T được ký kết ngày 14/12/2021, trong hợp đồng có thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Xét thấy tại thời điểm ký kết bà L và ông T có đầy đủ năng lực dân sự, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng vay không vi phạm điều cấm của luật, được hai bên thừa nhận. Do đó hợp đồng vay tài sản giữa bà L và ông T là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2]. Xét số tiền nợ gốc: Trong hợp đồng vay tài sản ngày 14/12/2021 thể hiện bà L cho ông T vay số tiền 110.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cả bà L và ông T đều xác nhận số tiền nợ gốc ông T nợ bà L là 110.000.000 đồng và chưa thanh toán. Vì vậy có đủ căn cứ để xác định khoản nợ gốc ông T còn nợ bà L là 110.000.000 đồng.

[3.3]. Xét số tiền nợ lãi: Theo hợp đồng vay, các bên thỏa thuận mức lãi suất đối với tiền nợ gốc là 1,25%/tháng (15%/năm). Căn cứ theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại bản tự khai của ông T cũng như tại biên bản hòa giải ông T thừa nhận và đồng ý với số tiền nợ lãi bà L yêu cầu. Do đó có đủ cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc ông T phải thanh toán số tiền nợ lãi trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 1,25%/tháng tính đến ngày 14/02/2025, cụ thể: $110.000.000 \text{ đồng} \times 36 \text{ tháng} \times 1,25\% = 52.250.000 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền lãi từ ngày 14/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, bà L không yêu cầu ông T thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tổng số tiền ông T phải thanh toán cho bà L là 162.250.000 đồng.

Do hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà L là hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc 110.000.000 đồng là 1,25%/tháng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 5% giá trị tài sản tranh chấp là 162.250.000 đồng $\times 5\% = 8.112.500$ đồng. Bà Lê Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 117, 429, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị L số tiền 162.250.000 đồng (trong đó nợ gốc là 110.000.000 đồng, nợ lãi là 52.250.000 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi 1,25%/tháng trên số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 8.112.500 đồng. Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng theo biên lai số 0002687 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Thời hạn kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đôn Minh Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An Bùi Thị Bích Liên Nguyễn Thị Thu Hiền